BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 1

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Phan Hoài	An	04/12/1993		6	5	7	6,0	Sáu	TĐ1
2	Bùi Thị Ngọc	Ẩn	15/04/1994		9	9	8	8,7	Tám bảy	
3	Nguyễn Dương Thúy	An	01/01/1994							
4	Nguyễn Thị Phương	An	02/03/1993		6	5	8	6,3	Sáu ba	
5	Nguyễn Đức	An	20/06/1994		8	6	7	7,0	bảy	
6	Huỳnh Nguyễn Mỹ	Anh	23/10/1994		6	8	6	6,7	Sáu bảy	
7	Võ Huỳnh Vân	Anh	08/11/1994							
8	Đàm Trần Lê Hoàng	Anh	29/08/1994		8	7	9	8,0	Tám	
9	Nguyễn Hoàng	Anh	02/12/1994		5	5	7	5,7	Năm bảy	
10	Hứa Triều	Anh	15/10/1994		5	7	8	6,7	Sáu bảy	
11	Lê Thị Kim	Anh	23/04/1994		5	5	8	6,0	Sáu	
12	Trần Thị Ngọc	Ánh	01/03/1993		6	5	7	6,0	Sáu	
13	Trung Lý Gia	Bảo	24/02/1994		6	6	6	6,0	Sáu	
14	Bùi Thị	Bình	12/05/1994		6	6	8	6,7	Sáu bảy	
15	Nguyễn Thị	Cẩm	20/04/1993		6	5	6	5,7	Năm bảy	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 2

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Lê Thị	Chấn	10/06/1993							TĐ2
2	Phạm Thị Mỹ	Chi	05/05/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
3	Nguyễn Thii Ngọc	Dân	09/07/1994		7	5	7	6,3	Sáu ba	
4	Huỳnh Nguyễn Kiều	Diễm	19/04/1994		5	6	7	5,7	Năm bảy	
5	Diệu Thị Ngọc	Diệp	07/02/1994		7	8	7	7,3	bảy ba	
6	Nguyễn Bảo Dinh	Dinh	20/07/1993		7	6	8	7,0	Bảy	
7	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/06/1993		6	5	7	6,0	Sáu	
8	Võ Đông	Dương	06/10/1992		9	9	10	9,3	Chín ba	
9	Lê Phương	Dung	20/09/1994		6	6	6	6,0	Sáu	
10	Nguyễn Khánh Thùy	Dung	01/10/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
11	Nguyễn Thị	Dung	16/06/1993		6	5	7	6,0	Sáu	
12	Diệp Thị Phương	Dung	01/08/1994		6	6	6	6,0	Sáu	
13	Hồ Thị Mỹ	Dung	02/0/1994		5	7	8	6,7	Sáu bảy	
14	Trần Thị Lệ	Duyên	30/05/1994		6	6	8	6,7	Sáu bảy	
15	Lê Thị Mỹ	Duyên	10/03/1994		6	5	7	6,0	Sáu	
16										
17										
18										
19										
20										